

Tài liệu tuyên truyền biển, đảo Việt Nam

Phần thứ nhất

CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

Việt Nam có hơn 3.000 hòn đảo ven bờ và hai quần đảo ngoài khơi là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Quần đảo Hoàng Sa chỗ gần nhất cách Quảng Ngãi 120 hải lý về phía Đông. Điểm gần nhất của quần đảo Trường Sa cách Vịnh Cam Ranh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa khoảng 250 hải lý về phía Đông.

Hai quần đảo này là bộ phận không tách rời của lãnh thổ Việt Nam. Nhà nước Việt Nam đã thực thi chủ quyền của mình đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa phù hợp với luật pháp quốc tế và được công nhận bởi hàng loạt các bằng chứng pháp lý và lịch sử.

I. Chủ quyền lịch sử của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Nhận thức của các nhà hàng hải thời xưa về Hoàng Sa và Trường Sa lúc đầu còn khá mơ hồ; họ chỉ biết có một khu vực rộng lớn rất nguy hiểm cho tàu thuyền vì có những bãi đá ngầm. Ngày xưa, người Việt Nam gọi là Bãi Cát Vàng, Hoàng Sa, Vạn lý Hoàng Sa, Đại Trường Sa hoặc Vạn lý Trường Sa như các sách và bản đồ cổ của Việt Nam đã chứng tỏ. Hầu như tất cả các bản đồ của các nhà hàng hải phương Tây từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII đều vẽ chung quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa làm một dưới cái tên Pracel, Parcel hay Paracels.

Về sau, với những tiến bộ của khoa học và hàng hải, người ta đã phân biệt có hai quần đảo: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Mãi cho đến năm 1787-1788, cách đây trên hai trăm năm, đoàn khảo sát Kergariou-Locmaria mới xác định được rõ ràng và chính xác vị trí của quần đảo Hoàng Sa như hiện nay, từ đó phân biệt quần đảo này với quần đảo Trường Sa ở phía Nam. Các bản đồ trên nói chung đều xác định vị trí khu vực Pracel (tức là cả Hoàng Sa và Trường Sa) là ở giữa Biên Đông, phía Đông Việt Nam, bên ngoài những đảo ven bờ của Việt Nam.

Hai quần đảo mà các bản đồ hàng hải quốc tế ngày nay ghi là Paracels và Spratley hoặc Spratly chính là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Từ lâu nhân dân Việt Nam đã phát hiện ra quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện chủ quyền của mình đối với hai quần đảo đó một cách thực sự độc lập, liên tục và hòa bình.

1. Nhiều sách địa lý và bản đồ cổ của Việt Nam ghi chép rõ Bãi Cát Vàng, Hoàng Sa, Vạn lý Hoàng Sa, Đại Trường Sa hoặc Vạn lý trường Sa (quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa) từ lâu đã là lãnh thổ Việt Nam.

“*Toản Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư*”, tập bản đồ Việt Nam do Đỗ Bá, tên chữ là Công Đạo, soạn vẽ vào thế kỷ XVII, ghi rõ trong lời giải chú bản đồ vùng phủ Quảng Ngãi, xứ Quảng Nam: “Giữa biển có một bãi cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng, dài độ 400 dặm, rộng 20 dặm, đứng dựng giữa biển, từ cửa Đại Chiêm đến cửa Sa Vinh mỗi lần có gió Tây Nam thì thương thuyền các nước đi ở phía ngoài cũng trôi dạt ở đây, đều cùng chết đuối tất cả, hàng hóa thì đều để lại ở nơi đó”.

Trong “*Giáp Ngọ Bình Nam Đồ*”, bản đồ xứ Đàng Trong do Đoán quận công Bùi Thế Đạt vẽ năm 1774. Bãi Cát Vàng cũng được vẽ là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam.

“*Phủ Biên Tạp Lục*”, cuốn sách của nhà bác học Lê Quý Đôn (1726-1784) biên soạn năm 1776, viết về lịch sử, địa lý, hành chính xứ Đàng Trong dưới thời Chúa Nguyễn (1558-1775) khi ông được triều đình bổ nhiệm phục vụ tại miền Nam, chép rõ đảo Đại Trường Sa (quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa) thuộc phủ Quảng Ngãi.

“Xã An Vĩnh. Huyện Bình Sơn, Phủ Quảng Nghĩa, ở ngoài cửa biển có núi gọi là cù lao Ré, rộng hơn 30 dặm, có phường Tứ Chính, dân cư trồng đậu, ra biển bốn canh thì đến, phía ngoài nữa lại có đảo Đại Trường Sa. Trước kia có nhiều hải vật và hóa vật của tàu, lập đội Hoàng Sa để lấy, đi ba ngày đêm mới đến, là chỗ gần xưa bắc hải”.

“... Phủ Quảng Ngãi, huyện Bình Sơn có xã An Vĩnh ở gần biển, ngoài biển về phía Đông Bắc có nhiều cù lao, các núi linh tinh hơn 130 ngọn, cách nhau bằng biển, từ hòn này sang hòn kia hoặc đi một ngày hoặc vài canh thì đến. Trên núi có chỗ suối nước ngọt. Trong đó có baixcats vàng, dài ước hơn 30 dặm, bằng phẳng rộng lớn, nước trong suốt đáy. Trên đảo có vô số yến sào; các thứ chim có hàng ngàn, hàng vạn, thấy người thì đậu vòng quanh không tránh. Trên bãi vật lạ rất nhiều. Ốc vân thì có ốc tai voi to như chiếc chiếu, búng có hạt to bằng đầu ngón tay, sắc đỏ, không như ngọc trai, cái vỏ có thể để làm tấm bài được, lại có thể nung vôi xây nhà; có ốc xà cừ, để khảm đồ dùng; lại có ốc hương. Các thứ ốc đều có thể muối và nấu ăn được. Đồi mò thì rất lớn. Có con hải ba, tục gọi là trắng bông, giống đồi mò, nhưng nhỏ hơn, vỏ mỏng có thể khảm đồ dùng, trứng bằng đầu ngón tay cái, muối ăn được. Có hải sâm, tục gọi là con đột đột, bơi lội ở bên bãi, lấy về dùng vôi sát qua, bỏ ruột phơi khô, lúc ăn thì ngâm nước cua đồng, cạo sạch đi, nấu với tôm và thịt lợn càng tốt.

Các thuyền ngoại phiên bị bão thường đậu ở đảo này. Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ ba tháng nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn sáu tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển ba ngày ba đêm thì đến đảo ấy. Ở đây tha hồ bắt chim bắt cá mà ăn. Lấy được hóa vật của tàu, như gương ngựa, hoa bạc, tiền bạc, vòng sứ, đồ chiên, cùng là kiếm lượm vỏ đồi mò, vỏ hải ba, hải sâm, hột ốc vân rất nhiều. Đến kỳ tháng tám thì về, vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để nộp, cân và định hạng xong mới cho đem bán riêng các thứ ốc vân, hải ba, hải sâm, rồi lĩnh bằng trở về. Lượm được nhiều ít không nhất định, cũng có khi về người không. Tôi đã xem sổ của cai đội cũ là Thuyền Đức Hầu biên rằng: năm Nhâm Ngọ lượm được 30 hốt bạc; năm Giáp Thân được 5.100 cân thiếc; năm Ất

Dậu được 126 hốt bạc; từ năm Kỷ Sửu đến năm Quý Tỵ năm năm ấy mỗi năm chỉ được mấy tấm đồi mồi, hải ba. Cũng có năm được thiếc khối, bát sứ và hai khẩu súng đồng mà thôi.

Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Thứ Chính ở Bình Thuận, hoặc người ở xã Cảnh Dương, ai tình nguyện thì đi cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu thuế cùng các tiền tuần dò, cho đi thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lượm vật của tàu và các thứ đồi mồi, hải ba, bào ngư, hải sâm, cũng sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản. Chẳng qua là lấy các thứ hải vật, còn vàng bạc của quý ít khi lấy được.

Trong số các tư liệu còn tìm thấy ngày nay, có thể kể từ sai sau đây đề năm 1786 của quan Thượng tướng công:

“Sai cai Hội Đức Hầu đội Hoàng Sa dẫn bốn chiwacs thuyền câu vượt biển đến thẳng Hoàng Sa và các cù lao trên biển thu lượm đồ vàng bạc, đồ đồng và đại bác, tiểu bác, đồi mồi, hải ba cùng cá quý về kinh đô dâng nộp theo lệ”.

“**Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ**”, bản đồ nước Việt Nam đời Nguyễn vẽ vào khoảng năm 1838, ghi “Hoàng Sa – Vạn lý Trường Sa” thuộc lãnh thổ Việt Nam, phía ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam thuộc lãnh thổ Việt Nam.

“**Đại Nam Nhất Thống Chí**”, bộ sách địa lý Việt Nam do Quốc sử quán nhà Nguyễn (1802-1845) soạn xong năm 1882 ghi Hoàng Sa là một bộ phận lãnh thổ Việt Nam thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Đoạn nói về hình thể tỉnh Quảng Ngãi, cuốn sách viết:

“Phía Đông tỉnh Quảng Ngãi, có đảo cát (tức đảo Hoàng Sa) liền sát với biển làm hào; phía Tây Nam miền sơn man, có lũy dài vững vàng, phía Nam liền với tỉnh Bình Định, có đèo Bến Đá chắn ngang, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, có ghềnh Sa Thổ làm giới hạn...”.

“Đầu đời vua Gia Long phỏng theo lệ cũ đặt đội Hoàng Sa, sau lại bỏ; đầu đời Minh Mệnh, thường sai người đi thuyền công đến đây thăm dò đường biển, thấy một nơi có cồn cát trắng chu vi 1.070 trượng, cây cối xanh tốt, giữa cồn cát có giếng, phía Tây Nam còn có ngôi miếu cổ, không rõ dựng từ thời nào, có bia khắc bốn chữ “Vạn lý Ba Bình” (muôn vạn sóng yên). Cồn cát này xưa gọi là Phật Tự Sơn, phía đông và phía tây đảo đều có đá san hô nổi lên một cồn chu vi 340 trượng, cao một trượng 2 thước ngang với cồn cát, gọi là Bàn Than Thạch. Năm Minh Mệnh thứ 16 sai thuyền công chở gạch đá đến đây xây đền, dựng bia đá ở phía tả đền để ghi dấu và tra hột các thứ cây ở ba mặt tả hữu và sau. Binh phu đắp nền miếu đào được đồng lá và gang sắt có đến hơn 2.000 cân”.

Nhiều nhà hàng hải, giáo sĩ phương Tây trong những thế kỷ trước đều xác nhận Hoàng Sa (Pracel hay Paracels) thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Một giáo sĩ phương Tây đi trên tàu Amphitrite từ Pháp sang Trung Quốc năm 1701 viết trong một lá thư rằng: “Paracel là một quần đảo thuộc Vương quốc An Nam”.

Giám mục J.L.Taberd, trong bài “Ghi chép về địa lý nước Cochinchine” (Cochinchine: Việt Nam lúc bấy giờ) xuất bản năm 1837, cũng mô tả (Pracel hay Paracels) là phần lãnh thổ nước Cochinchine và nói rõ người Cochinchine gọi Pracel hay Paracels là “Cát Vàng”. Trong “An Nam Đại Quốc Họa Đồ” xuất bản năm 1838, ông đã vẽ một phần của Paracel và ghi “Paracel hay Cát Vàng” (Paracel seu Cát Vàng) ở ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam, vào khu vực quần đảo Hoàng Sa hiện nay.

J.B. Chaigneau, cố vấn của vua Gia Long, năm 1820 đã viết trong phần chú bổ sung vào cuốn *“Hồi ký về nước Cochinchine”*: “Nước Cochinchine mà nhà vua bấy giờ đã lên ngôi Hoàng đế gồm xứ Cochinchine và xứ Đông Kinh... một vài đảo có dân cư không xa bờ biển và quần đảo Paracel do những đảo nhỏ, ghềnh và đá không có dân cư hợp thành...”.

Trong bài *“Địa lý vương quốc Cochinchina”* của Gutzlaff, xuất bản năm 1849 có đoạn nói rõ Paracels thuộc lãnh thổ Việt Nam và chú thích cả tên Việt Nam là “Cát Vàng”.

2. Với tư cách là người làm chủ, trong nhiều thế kỷ, nhà nước phong kiến Việt Nam đã nhiều lần tiến hành điều tra khảo sát địa hình và tài nguyên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Các sách địa lý và lịch sử của Việt Nam từ thế kỷ XVII đã ghi lại kết quả các cuộc khảo sát đó.

Trong *“Toản tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư”* (thế kỷ XVII): “Họ Nguyễn mỗi năm vào tháng cuối mùa đông đưa 18 chiếc thuyền đến (Bãi Cát Vàng) lấy hóa vật, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn”.

“Đại Nam Thực Lục Tiền Biên”, bộ sử về Chúa Nguyễn do Quốc sử quán nhà Nguyễn soạn xong năm 1844, có đoạn viết: “Xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi, ở ngoài biển, có hơn 130 bãi cát, cách nhau hoặc một ngày đường hoặc vài trông canh, kéo dài không biết mấy ngàn dặm, tục gọi là Vạn Lý Hoàng Sa”. Trên bãi biển có giếng nước ngọt. Sản vật có hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, vích...”.

“Hội đầu dựng nước, đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người, lấy dân xã An Vĩnh sung vào, hằng năm đến tháng 3 đi thuyền ra đảo, độ ba ngày đêm thì thu lượm hóa vật, đến tháng 8 trở về nộp. Lại có đội Bắc Hải mộ dân ở phường Tứ Chính ở Bình Thuận hoặc xã Cảnh Dương sung vào, được lệnh đi thuyền ra các vùng Bắc Hải, Côn Lôn thu lượm hóa vật. Đội này cũng do đội Hoàng sa kiêm quản”.

Theo *“Đại Nam Thực Lục Chính Biên”*, bộ sử ký do Quốc sử quán triều đình nhà Nguyễn soạn viết về các đời vua nhà Nguyễn, phần viết về các đời vua Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị được soạn xong năm 1848, ghi sự kiện Gia Long chiếm hữu

các đảo Hoàng Sa năm 1816, sự kiện Minh Mệnh cho xây miếu, dựng bia trồng cây, đo đạc, vẽ bản đồ các đảo này.

Quyển 52: “Năm Bính Tý, niên hiệu Gia Long thứ 15 (1816)... Vua phái thủy và đội Hoàng Sa cưỡi thuyền ra Hoàng Sa để thăm dò đường thủy”.

Quyển 154: “Tháng sáu mùa hạ năm Ất Mùi, Minh Mệnh thứ 16 (1835)... dựng đền thờ thần ở đảo Hoàng Sa thuộc Quảng Ngãi, Hoàn Sa ở hải phận Quảng Ngãi, có một chỗ nổi cồn cát trắng, cây cối xanh um, giữa cồn cát có giếng, phía Tây Nam có miếu cổ, có tám bài khắc bốn chữ “Vạn lý Ba Bình”. Cồn Bạch Sa chu vi 1.070 trượng, tên cũ là Phật Tự Sơn, bờ đông, tây, nam đều đá san hô thoải thoải uốn quanh mặt nước. Phía Bắc, giáp với một cồn toàn đá san hô, sừng sững nổi lên, chu vi 340 trượng, cao một trượng 3 thước, ngang với cồn cát, gọi là Bàn Than Thạch. Năm ngoài vua toan dựng miếu, lập bia ở chỗ ấy, nhưng vì sóng gió không làm được. Đến đây mới sai cai đội thủy quân Phạm Văn Nguyên đem linh và Giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định chuyên chở vật liệu đến dựng miếu (cách tòa miếu cổ 7 trượng). Bên tả miếu dựng bia đá; phía trước miếu xây bình phong. Mười ngày làm xong rồi về”.

Quyển 165: “Năm Bính Thân, niên hiệu Minh Mệnh thứ 17 (1836), mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 1...

Bộ Công tâu: Cương giới mặt biển nước ta có xứ Hoàng Sa rất là hiểm yếu. Trước kia, đã phái vẽ bản đồ mà hình thể nó xa rộng, mới chỉ được một nơi, cũng chưa rõ ràng. Hằng năm, nên phái người đi dò xét cho khắp để thuộc đường biển. Từ năm nay trở về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng giêng, xin phái thủy quân và vệ Giám thành đáp một chiếc thuyền ô, nhằm thượng tuần tháng hai thì đến Quảng Ngãi, bắt hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định thuê bốn chiếc thuyền của dân, hướng dẫn ra đúng xứ Hoàng Sa, không cứ là đảo nào, hòn nào, bãi cát nào; khi thuyền đi đến, cũng xét xem xứ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chu vi, và nước biển xung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thể hiểm trở, binh dị thể nào, phải tường tất đo đạc, vẽ thành bản đồ. Lại xét ngày khởi hành, từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến xứ ấy, căn cứ vào đường đi, tính ước được bao nhiêu dặm. Lại từ xứ ấy, trông vào bờ biển, đối thẳng vào là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, đối chênh chéch là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, cách bờ biển chừng bao nhiêu dặm. Nhất nhất nói rõ, đem về dâng trình”.

“Vua y lời tâu, phái Suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền đi, chuẩn cho mang theo 10 cái bài gỗ, đến nơi đó dựng làm dấu ghi (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc, mặt bài khắc những chữ “Minh Mệnh thứ 17, năm Bính Thân, thủy quân Chánh đội trưởng Suất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh đi Hoàng Sa trông nom đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ”).

Cũng trong “***Đại Nam Thực Lục Chính Biên***” có ghi, năm 1847, Bộ Công đệ trình lên vua Thiệu Trị tờ tâu, trong đó có viết: xứ Hoàng Sa thuộc vùng biển nước ta. Theo lệ hằng năm có phái binh thuyền ra xem xét thông thuộc đường biển. Năm nay bận nhiều công việc xin hoãn đến năm sau. Vua Thiệu Trị đã phê “Đình”.

Trong “*Đại Nam Nhất Thống Chí*” (1882): “Đảo Hoàng Sa: ở phía Đông cù lao Ré huyện Bình Sơn. Từ bờ biển Sa Kỳ ra khơi thuận gió, ba bốn ngày đêm có thể đến. Ở đó có đến hơn 130 đảo nhỏ, cách nhau hoặc một ngày đường hoặc vài trổng canh. Trong đảo có bãi cát vàng, liên tiếp kéo dài không biết mấy ngàn dặm tục gọi là Vạn lý Trường Sa. Trên bãi có giếng nước ngọt, chim biển tụ tập không biết cơ man nào. Sản xuất nhiều hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, vích... Hóa vật của các tàu thuyền bị nạn bão trôi giạt ở đây”.

Các sách khác thời Nguyễn như: “*Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*” (1821), “*Hoàng Việt Địa Dư Chí*” (1833), “*Việt Sử Cương Giám Khảo Lược*” (1876) cũng mô tả Hoàng Sa một cách tương tự.

Do đặc điểm Hoàng Sa và Trường Sa có nhiều hải sản quý, lại có nhiều hóa vật của các tàu thuyền bị đắm như trên đã nói, nhà nước phong kiến Việt Nam từ lâu đã tổ chức việc khai thác hai quần đảo đó với tư cách một quốc gia làm chủ. Nhiều sách lịch sử và địa lý cổ của Việt Nam đã nói rõ tổ chức, phương thức hoạt động của các đội Hoàng Sa có nhiệm vụ làm việc khai thác đó.

Kể tiếp các chúa Nguyễn, nhà Tây Sơn phải liên tiếp đối phó với sự xâm lược của nhà Thanh và của Xiêm, tuy vậy vẫn luôn luôn quan tâm đến việc duy trì và sử dụng các đội Hoàng Sa. Nghĩa là thời Tây Sơn, Nhà nước vẫn tiếp tục tổ chức việc khai thác Hoàng Sa với ý thức thực hiện chủ quyền của mình đối với Hoàng Sa.

Từ khi nắm chính quyền năm 1802 đến khi Pháp ký Hiệp ước 1884, các vua nhà Nguyễn ra sức củng cố chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đội Hoàng Sa, sau được tăng cường thêm đội Bắc Hải, được duy trì và hoạt động liên tục từ thời các chúa Nguyễn (1558-1783) đến nhà Tây Sơn (1786-1802) và nhà Nguyễn (1802-1945).

Như vậy, qua các sách lịch sử, địa lý cổ của Việt Nam cũng như chứng cứ của nhiều nhà hàng hải, giáo sĩ phương Tây nói trên, từ lâu và liên tục trong hàng mấy trăm năm, từ triều đại này đến triều đại khác, Nhà nước Việt Nam đã làm chủ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Sự có mặt đều đặn của các đội Hoàng Sa do Nhà thành lập nước trên hai quần đảo đó mỗi năm từ năm đến sáu tháng để hoàn thành một nhiệm vụ do nhà nước giao, tự nó đã là một bằng chứng đanh thép về việc Nhà nước Việt Nam thực hiện chủ quyền của mình đối với hai quần đảo đó. Việc chiếm hữu và khai thác đó của Nhà nước Việt Nam không bao giờ gặp phải sự phản đối của một quốc gia nào khác; điều đó càng chứng tỏ từ lâu quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa đã là lãnh thổ Việt Nam.

II. Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong thời Pháp thuộc.

Từ khi ký với triều đình Nguyễn Hiệp ước 6-6-1884, Pháp đại diện quyền lợi của Việt Nam trong quan hệ đối ngoại và việc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của

Việt Nam. Liên quan đến biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Trung Quốc, Pháp đã ký hiệp ước với nhà Thanh năm 1887; năm 1895, Pháp ký tiếp với nhà Thanh hiệp ước bổ sung. Trong khuôn khổ sự cam kết chung đó, Pháp tiếp tục thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Sau đây là một vài bằng chứng:

Các pháo hạm của Pháp thường xuyên tuần tiễu trong vùng biển Đông, kể cả Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1899, toàn quyền Đông Dương Paul Doumer đề nghị với Paris xây tại đảo Hoàng Sa trong quần đảo Hoàng Sa một cây đèn biển để hướng dẫn các tàu biển qua lại vùng này, nhưng kế hoạch không thực hiện được vì thiếu ngân sách.

Từ năm 1920, các tàu hải quan Đông Dương tăng cường tuần tiễu ở vùng Hoàng Sa để ngăn chặn buôn lậu.

Năm 1925, Viện Hải dương học Nha Trang cử tàu De Lanessan ra khảo sát ở quần đảo Hoàng Sa về hải dương học. Ngoài A.Krempf, Giám đốc Viện Hải dương học, còn có các nhà khoa học khác như Delacour, Jabouille... nghiên cứu về địa chất, về sinh vật... Cũng trong năm 1925, ngày 3 tháng 3, Thượng thư Bộ binh của Triều đình Huế Thân Trọng Huề lại khẳng định Hoàng Sa là lãnh thổ Việt Nam.

Năm 1927, tàu De Lanessan ra khảo sát khoa học quần đảo Trường Sa.

Năm 1929, phái đoàn Perrier – De Rouville đề nghị đặt bốn cây đèn biển ở bốn góc của quần đảo Hoàng Sa (đảo Tri Tôn, đảo Đá Bắc, đảo Linh Côn, bãi Bom Bay).

Năm 1930, tàu thông báo La Malicieuse tới quần đảo Hoàng Sa.

Tháng 3-1931, tàu Inconstant ra quần đảo Hoàng Sa.

Tháng 6-1931, tàu De Lanessan ra quần đảo Hoàng Sa.

Tháng 5-1932, pháo hạm Alerte ra quần đảo Hoàng Sa.

Từ ngày 13-4-1930 đến ngày 12-4-1933, Chính phủ Pháp đã cử các đơn vị hải quân lần lượt ra đóng các đảo chính trong quần đảo Trường Sa : Trường Sa (Spratley), An Bang (Caye d'Amboine), Itu Aba, nhóm Song Tử (Groupe de deux iles), Loại Ta và Thị Tứ.

Ngày 21-12-1933, Thống đốc Nam Kỳ M.J.Krautheimer ký nghị định sáp nhập các đảo Trường Sa, An Bang, Itu Aba, nhóm Song Tử (Groupe de deux iles), Loại Ta và Thị Tứ vào địa phận tỉnh Bà Rịa.

Năm 1937, nhà đương cục Pháp cử kỹ sư công chính Gauthier ra quần đảo Hoàng Sa nghiên cứu chỗ xây dựng đèn biển, lập bãi thủy phi cơ.

Tháng 2-1937, tuần dương hạm Lamotte Piquet do Phó Đô đốc Istava chỉ huy tham quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 29-3-1938, vua Bảo Đại ký Dụ tách quần đảo Hoàng Sa khỏi địa hạt tỉnh Nam Nghĩa đặt vào tỉnh Thừa Thiên.

«Chiếu chỉ các cù lao Hoàng Sa (Archipel dé iles Paracels) thuộc về chủ quyền nước Nam đã lâu đời và dưới các tiền triều, các cù lao ấy thuộc về địa hạt tỉnh Nam Nghĩa: đến đời Đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế vẫn để y như cũ là vì nguyên trước sự giao thông với các cù lao ấy đều do các cửa bể tỉnh Nam Nghĩa.

Chiếu chỉ nhờ sự tiến bộ trong việc hàng hải nên việc giao thông ngày nay có thay đổi, vả lại viện Đại diện Chánh phủ Nam triều ủy phái ra kinh lý các cù lao ấy cùng quan Đại diện Chánh phủ bảo hộ có tâu rằng nên tháp các cù lao Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên thời được thuận tiện hơn.

Dụ:

Độc khoản: - Trước chuẩn tháp nhập các cù lao Hoàng Sa (Archipel dé iles Paracels) vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên: về phương diện hành chánh, các cù lao ấy thuộc dưới quyền quan Tỉnh hiến tỉnh ấy”.

Ngày 15-6-1938, toàn quyền Đông Dương Jules Brévié ký nghị định thành lập một đơn vị hành chính tại quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Năm 1938, Pháp dựng bia chủ quyền, xây dựng xong đèn biển, trạm khí tượng, đài vô tuyến điện ở đảo Hoàng Sa (Ile Pattle) trong quần đảo Hoàng Sa, xây dựng trạm khí tượng, đài vô tuyến điện ở đảo Itu Aba trong quần đảo Trường Sa.

Hàng chữ trên bia: “Cộng hòa Pháp, Vương quốc An Nam, quần đảo Hoàng Sa, 1816 – đảo Pattle – 1938” (1816 là năm vua Gia Long thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với các đảo Hoàng Sa, 1938 là năm dựng bia).

Ngày 5-5-1939, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévié ký nghị định sửa đổi nghị định ngày 15-6-1938 nói trên và thành lập tại quần đảo Hoàng Sa hai cơ quan đại lý “Croissant và các đảo phụ thuộc”, “Amphitrite và các đảo phụ thuộc”.

Suốt trong thời gian đại diện Việt Nam về mặt đối ngoại, Pháp luôn luôn khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với các quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa và phản kháng những hành động xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam ở hai quần đảo đó như: ngày 4-12-1931 và ngày 24-4-1932, Pháp phản kháng Chính phủ Trung Quốc về việc chính quyền Quảng Đông lúc đó có ý định cho đầu thầu khai thác phân chim trên quần đảo Hoàng Sa. Ngày 24-7-1933, Pháp thông báo cho Nhật Bản việc Pháp đưa quân ra đóng các đảo chính trong quần đảo Trường Sa. Ngày 4-4-1939, Pháp phản kháng Nhật đặt một số đảo trong quần đảo Trường Sa thuộc quyền tài phán của Nhật.

III. Việc bảo vệ và thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

Khi trở lại Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đầu năm 1947, Pháp đã yêu cầu quân Trung Hoa dân quốc rút khỏi các đảo của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà họ chiếm đóng trái phép cuối năm 1946 và Pháp đã cho quân đến thay thế quân đội Trung Quốc, xây dựng lại trạm khí tượng và đài vô tuyến điện.

Ngày 7-9-1951, Trưởng Đoàn đại biểu của Chính phủ Bảo Đại Trần Văn Hữu tuyên bố tại Hội nghị San Francisco về việc ký hòa ước với Nhật Bản rằng từ lâu quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là bộ phận của lãnh thổ Việt Nam: "... và cũng vì cần phải dứt khoát lợi dụng tất cả mọi cơ hội để dập tắt những mầm mống các tranh chấp sau này, chúng tôi khẳng định chủ quyền đã có từ lâu đời của chúng tôi đối với các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa". Tuyên bố đó không gặp sự chống đối hoặc bảo lưu nào của đại diện 51 quốc gia tham dự Hội nghị.

Năm 1953, tàu Ingénieur en chef Girod của Pháp khảo sát ở quần đảo Hoàng Sa về hải dương, địa chất, địa lý, môi sinh.

Chính quyền Sài Gòn, sau đó là cả Chính quyền Sài Gòn và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, cũng đều thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Dưới đây là một vài bằng chứng:

Ngày 16-6-1956, Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn tuyên bố một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa. Đồng thời, cũng trong năm này, chính quyền Sài Gòn đã kịch liệt phản đối Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chiếm nhóm đảo phía đông quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

Năm 1956, lực lượng hải quân của chính quyền Sài Gòn tiếp quản các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa khi Pháp rút quân về nước. Sở Hầm mỏ, kỹ nghệ và tiểu công nghiệp miền Nam tổ chức một cuộc khảo sát với sự giúp đỡ của hải quân của chính quyền Sài Gòn trên bốn đảo: Hoàng Sa (Pattle), Quang Ảnh (Money), Hữu Nhật (Robert), Duy Mộng (Drumond).

Ngày 22-10-1956, chính quyền Sài Gòn đặt quần đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Phước Tuy.

Ngày 13-7-1961, chính quyền Sài Gòn đặt quần đảo Hoàng Sa trước kia thuộc tỉnh Thừa Thiên, vào tỉnh Quảng Nam và thành lập tại quần đảo này một xã lấy tên là Định Hải, trực thuộc quận Hòa Vang và đặt dưới quyền một phái viên hành chính.

Từ năm 1961 đến 1963, chính quyền Sài Gòn lần lượt cho xây bia chủ quyền ở các đảo chính của quần đảo Trường Sa như: Trường Sa, An Bang, Song Tử Tây, v.v...

Ngày 21-10-1969, chính quyền Sài Gòn sáp nhập xã Định Hải vào xã Hòa Long cũng thuộc quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 22-2-1959, chính quyền Sài Gòn bắt giữ trong một thời gian 82 “ngư dân” Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đổ bộ lên các đảo Hữu Nhật, Duy Mộng và Quang Hòa trong quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 20-4-1971, chính quyền Sài Gòn khẳng định một lần nữa quần đảo Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam. Ngoại trưởng chính quyền Sài Gòn khẳng định một lần nữa chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo đó trong cuộc họp báo ngày 13-7-1971.

Tháng 7-1973, Viện Khảo cứu nông nghiệp thuộc Bộ Phát triển nông nghiệp và điền địa Sài Gòn tiến hành khảo sát đảo Nam Ai (Nam Yết) thuộc quần đảo Trường Sa.

Tháng 8-1973, với sự hợp tác của Công ty nhật Maruben Corporation, Bộ Kế hoạch và Phát triển quốc gia Sài Gòn tiến hành khảo sát phốt-phát ở quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 6-9-1973, chính quyền Sài Gòn sáp nhập các đảo Trường Sa, An Bang, Itu Aba, Song Tử Đông, Song Tử Tây, Loại Ta, Thị Tứ, Nam Ai, Sinh Tồn và các đảo phụ cận vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy.

Ngày 19-1-1974, lực lượng quân sự của cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chiếm đóng nhóm Tây Nam của quần đảo Hoàng Sa và cũng trong ngày này, chính quyền Sài Gòn tuyên bố lên án Cộng hòa nhân dân Trung Hoa xâm phạm toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Ngày 26-1-1974, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố lập trường ba điểm về việc giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ; ngày 14-2-1974, tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam.

Tháng 9-1975, Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại hội nghị Khí tượng ở Colombo tuyên bố quần đảo Hoàng Sa là của Việt Nam và yêu cầu Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO) tiếp tục ghi tên trạm khí tượng Hoàng Sa của Việt Nam trong danh mục trạm khí tượng của WMO (trước đây đã được đăng ký trong hệ thống các trạm của WMO dưới biểu số 48.860).

Về quản lý hành chính, năm 1982, Chính phủ Việt Nam đã quyết định thành lập huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai và huyện đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, hiện nay, huyện Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng và huyện Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã nhiều lần khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa hoặc trong các công hàm gửi các bên có liên quan, hoặc trong các tuyên bố của Bộ Ngoại giao, hoặc trong các hội nghị của Tổ chức Khí tượng thế giới ở Gionevơ (tháng 6-1980), của Đại hội Địa chất thế giới ở Paris (tháng 7-1980)...

Nhà nước Việt Nam đã nhiều lần công bố “Sách Trắng” (năm 1979, 1981, 1988) về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa, khẳng định hai quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam, Việt Nam có đầy đủ chủ quyền đối với hai quần đảo này, phù hợp với các quy định của luật pháp và thực tiễn quốc tế.

Ngày 14-3-1988, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố lên án Trung Quốc gây xung đột vũ trang tại Trường Sa và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa.

Tháng 4-2007, Chính phủ Việt Nam quyết định thành lập thị trấn Trường Sa, xã Song Tử Tây và xã Sinh Tồn thuộc huyện Trường Sa.

IV. Kết luận: Từ những tư liệu lịch sử rõ ràng và căn cứ vào những nguyên tắc của luật pháp quốc tế, có thể rút ra kết luận sau đây:

1. Từ lâu, Nhà nước Việt Nam đã chiếm hữu thật sự quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa khi mà các quần đảo đó chưa thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào.

2. Từ thế kỷ XVII đến nay, trong suốt mấy thế kỷ, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện một cách thật sự, liên tục và hòa bình chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

3. Nhà nước Việt Nam luôn luôn bảo vệ tích cực các quyền và danh nghĩa của mình trước mọi mưu đồ và hành động xâm phạm tới chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền lợi của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

PHỤ LỤC

1. Tuyên bố Cairo ngày 27-11-1943

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn khốc liệt nhất, hội nghị tam cường Anh - Mỹ - Trung (Cộng hòa Trung Hoa, đại diện lúc đó là Tưởng Giới Thạch) đã họp và ra một bản tuyên bố tại Cairo (thủ đô Ai Cập). Tuyên bố có đoạn viết: “... Nhật Bản phải bị loại ra khỏi tất cả các đảo ở Thái Bình Dương mà Nhật đã cướp hoặc chiếm đóng từ khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất năm 1914 và tất cả những lãnh thổ Nhật chiếm của Trung Quốc như Mãn Châu Lý, Đài Loan và Bành Hồ sẽ được trả lại cho Cộng hòa Trung Hoa”.

Như vậy là về phần lãnh thổ của Trung Quốc, Tuyên bố Cairo khẳng định ý chí của các cường quốc buộc Nhật Bản phải trao trả lại cho Cộng hòa Trung Hoa các lãnh thổ Nhật Bản đã chiếm của Trung Quốc gồm “Mãn Châu Lý, Đài Loan và Bành Hồ”, không có liên quan gì đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

2. Hội nghị Postdam ngày 26-7-1945

Những người đứng đầu ba nước Mỹ, Anh, Trung (Cộng hòa Trung Hoa) lại ra tuyên ngôn khẳng định “Các điều khoản của Tuyên bố Cairo sẽ được thi hành”. Sau khi tuyên chiến với Nhật Bản ở Viễn Đông, Liên Xô cũng tham gia tuyên ngôn này.

3. Hội nghị San Francisco từ ngày 4 đến 8-9-1951

Hội nghị San Francisco được tổ chức từ ngày 4 đến 8-9-1951, có đại diện 51 nước tham dự để bàn về việc ký Hòa ước hòa bình với Nhật Bản. Điều 2, Chương II của Dự thảo Hòa ước được đưa ra để Hội nghị thảo luận có ghi Nhật Bản từ bỏ mọi quyền, danh nghĩa và các đòi hỏi của mình đối với các lãnh thổ được nêu rõ trong các khoản của điều này: Triều Tiên, Đài Loan, Bành Hồ; quần đảo Kurile, phần phía nam đảo Sakhalin;

d) Các đảo ở Thái Bình Dương;

e) Châu Nam Cực;

f) Các đảo thuộc các quần đảo Trường Sa (Spratly) và Hoàng Sa (Paracel).

Tại phiên họp toàn thể ngày 5-9-1951, Hội nghị đã tán thành quyết định của chủ tịch không chấp nhận đề nghị bổ sung đòi “Nhật Bản công nhận chủ quyền hoàn toàn của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đối với Manchuria (Mãn Châu), đảo Đài Loan (Formosa) với tất cả các đảo kề cận nó, quần đảo Penlinletao (Pescadores tức Bành Hồ), quần đảo Tunshatsuntao (quần đảo Pratas), cũng như đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Chu Sa (quần đảo Hoàng Sa, nhóm đảo Amphitrite, bãi cát ngầm Macclesfield) và quần đảo Trường Sa, kể cả quần đảo Trường Sa, và Nhật Bản từ bỏ tất cả các quyền, danh nghĩa và các đòi hỏi đối với các vùng lãnh thổ nêu trong điển này”.

Quyết định này của Hội nghị đã được thông qua với 46 phiếu thuận, 3 phiếu chống, 1 phiếu trắng.

Cuối cùng, Điều 2, Chương II của Hòa ước vẫn được giữ nguyên như Dự thảo và gồm sau khoản sau đây:

a) Nhật Bản, trong khi công nhận nền độc lập của Triều Tiên, từ bỏ tất cả các quyền, danh nghĩa và các đòi hỏi đối với Triều Tiên, kể cả các quần đảo Quelpart Port Hamilton và Dagelet.

b) Nhật Bản từ bỏ tất cả các quyền, danh nghĩa và các đòi hỏi đối với vùng Formosa (Đài Loan) và Pescadores (Bành Hồ).

c) Nhật Bản từ bỏ tất cả các quyền, danh nghĩa và các đòi hỏi đối với quần đảo Kurile, đảo Sakhalin và quần đảo nằm sát nước Nhật Bản mà ở đó Nhật Bản đã giành được chủ quyền theo Hiệp ước Portsmouth ngày 5-9-1905.

d) Nhật Bản từ bỏ tất cả các quyền, danh nghĩa và các đòi hỏi liên quan tới chế độ ủy trị của Hội quốc liên, và chấp nhận quyết định ngày 2-4-1947 của Hội đồng Bảo

an Liên hợp quốc gia hạn chế độ ủy trị đối với các đảo Thái Bình Dương trước đây dưới quyền ủy trị của Nhật Bản.

e) Nhật Bản từ bỏ tất cả các đòi hỏi muốn có bất kỳ quyền, hoặc danh nghĩa hoặc các lợi ích nào liên quan tới bất cứ phần nào của vùng Nam Cực, dù đó là các hoạt động của các công dân Nhật Bản hoặc các hình thức khác.

f) Nhật Bản từ bỏ tất cả các quyền, danh nghĩa và các đòi hỏi đối với quần đảo Trường Sa (Spratly) và Hoàng Sa (Paracel)".

Như vậy, các vùng lãnh thổ mà Tuyên bố Cairo xác nhận và Hòa ước San Francisco khẳng định lại là của Trung Quốc chỉ bao gồm Đài Loan, Bành Hồ. Việc Hòa ước San Francisco tách riêng Đài Loan, Bành Hồ và Hoàng Sa, Trường Sa thành hai khoản riêng biệt (b, f) tự nó đã bao hàm ý nghĩa không công nhận Hoàng Sa, Trường Sa thuộc về Trung Quốc.

Cũng tại Hội nghị San Francisco, ngày 7-9-1951, Trưởng Đoàn đại biểu của Chính phủ Bảo Đại là Trần Văn Hữu tuyên bố rằng từ lâu hai quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là bộ phận của lãnh thổ Việt Nam và "cũng vì cần phải dứt khoát lợi dụng tất cả mọi cơ hội để dập tắt những mầm mống các tranh chấp sau này, chúng tôi khẳng định chủ quyền đã có từ lâu đời của chúng tôi đối với các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, những quần đảo luôn luôn thuộc về Việt Nam"

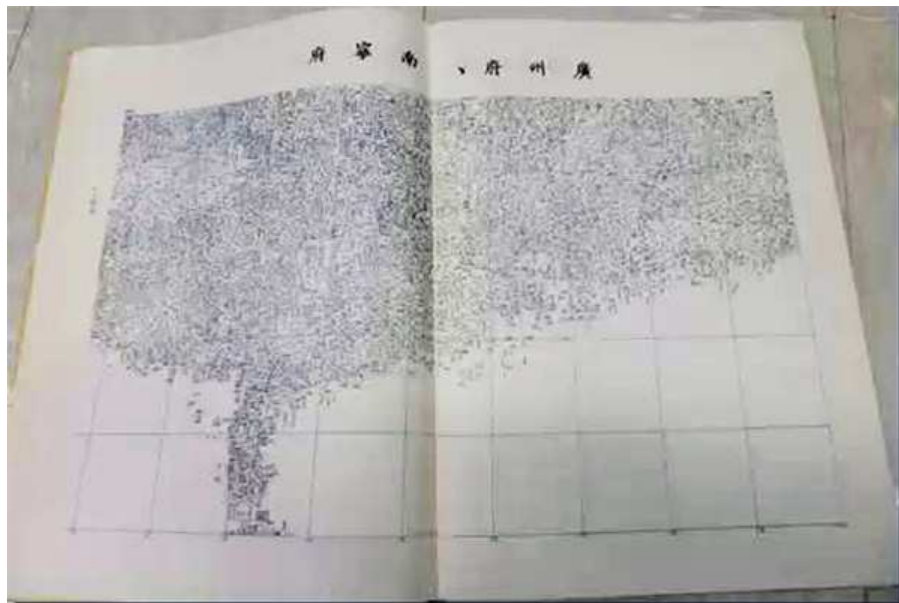
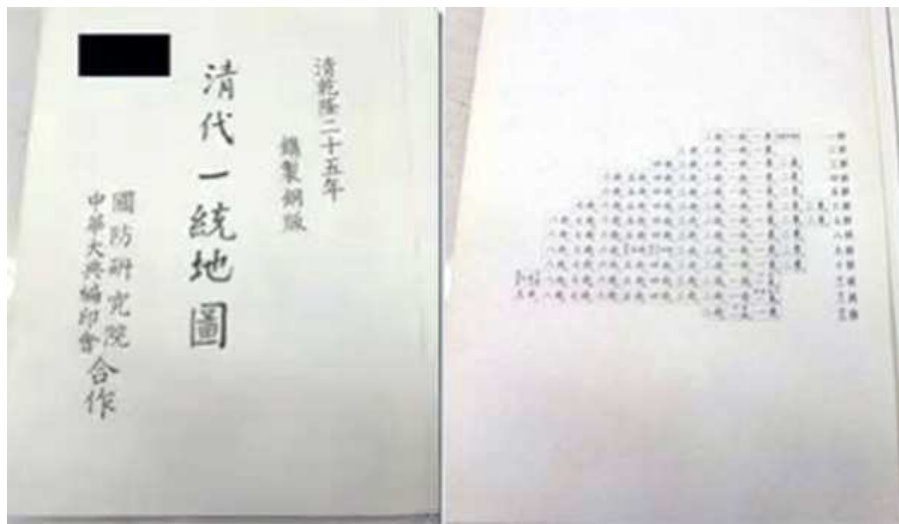
Không có một đại diện nào của 51 quốc gia tham dự Hội nghị có ý kiến phản đối hoặc bảo lưu nào đối với tuyên bố trên của đại diện Việt Nam tại Hội nghị.

Những tư liệu và chứng cứ kể trên cho thấy một cách rõ ràng là những văn kiện pháp lý quốc tế, từ Tuyên bố Cairo ngày 27-11-1943 (và Tuyên bố của Hội nghị Postdam ngày 26-7-1945 khẳng định lại nội dung Tuyên bố Cairo) đến Hòa ước San Francisco ký ngày 8-9-1951 đã không xác nhận chủ quyền của bất cứ quốc gia nào đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam. Đồng thời, việc không một quốc gia nào tại Hội nghị San Francisco năm 1951 phản đối hoặc bảo lưu tuyên bố của Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam lúc đó về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo chứng tỏ cộng đồng quốc tế đã mặc nhiên công nhận chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Phần thứ hai

QUÁ TRÌNH QUY THUỘC NAM HẢI (BIỂN ĐÔNG) QUA MỘT SỐ BẢN ĐỒ TỬ CUỐI ĐỜI NHÀ THANH ĐẾN THỜI KỲ (TRUNG HOA) DÂN QUỐC TRƯỚC THẾ KỈ XX

1. Thanh Đại Nhất Thống Địa Đồ (năm 1760): Thuyết minh về cương vực thời kì Đại Thanh. Theo hiển thị trên bản đồ thì cương giới phía nam của Trung Quốc kết thúc ở đảo Hải Nam.



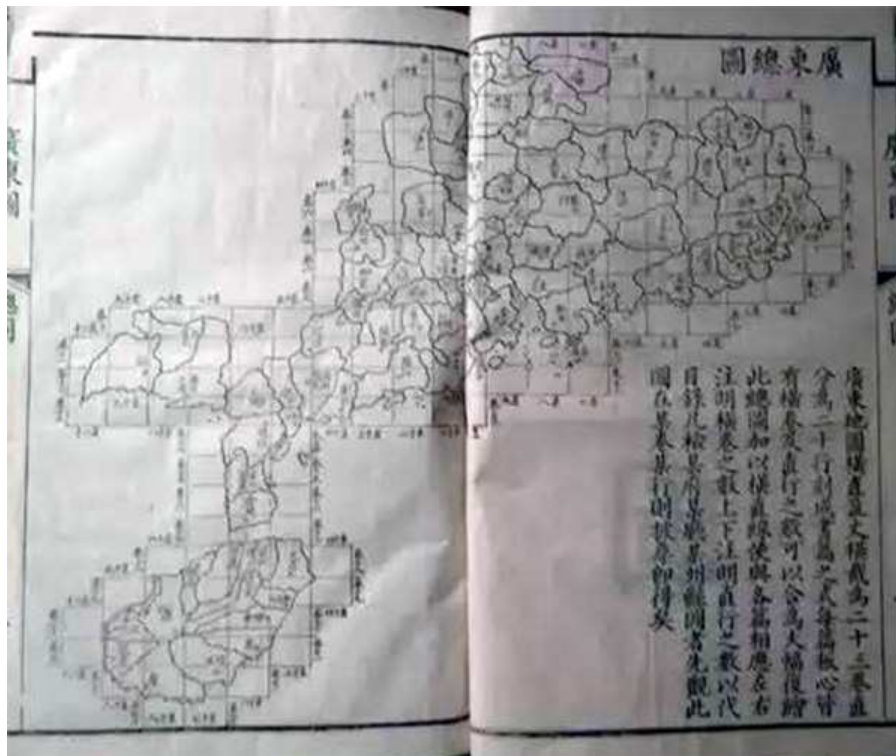
2. Đại Thanh Nhất Thống Thiên Hạ Toàn Đồ (năm 1818) do Chu Tích Linh vẽ (Từ “Địa đồ Trung Quốc”, Thư viện Đại học Hongkong, năm 2003), là tấm bản đồ về cương giới quốc gia với đường biên giới của Trung Quốc được viền màu đỏ. Kim Môn, Hạ Môn và đảo Hải Nam đều dùng màu đỏ vẽ liền với đại lục, còn Đài Loan và quần đảo Đan Sơn thì được khoanh tròn riêng bằng màu đỏ, để chứng tỏ là một phần của Trung Quốc. Trên bản đồ có xuất hiện hai cái tên Vạn Lý Trường Sa (Trường Sa) và Thiên Lý Thạch Đường (Hoàng Sa), nhưng những địa danh này cùng với Johor, Mãn Thích Gia (Anh: Strait of Malacca; Malai: Selat Melaka) và Srivijaya... đều nằm ngoài cương giới lãnh thổ Trung Quốc.



3. Hải Quốc Đồ Chí (năm 1852) là cuốn thư tịch về địa lí thế giới do Ngụy Nguyên biên soạn. Trong Duyên cách đồ cách quốc Đông Nam Dương (biển Đông Nam) ở sách này có xuất hiện các địa danh Vạn Lý Trường Sa và Thiên Lý Thạch Đường. Một số sách của Trung Quốc đã dẫn tấm bản đồ này làm chứng cứ cho chủ quyền của Trung Quốc đối với Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa), song không hề có căn cứ, vì: Tên bản đồ chỉ chính xác đây là bản đồ Đông Nam Á và trên bản đồ, không có bất cứ kí hiệu gì thể hiện Vạn Lý Trường Sa và Thiên Lý Thạch Đường thuộc Trung Quốc.



4. **Quảng Đông Đồ (năm 1866)**, là tập bản đồ chi tiết về khu vực Quảng Đông. Chính phủ Dân quốc luôn tuyên bố xét về lịch sử, các quần đảo ở Nam Hải là một phần của Quảng Đông. Tập bản đồ này hiển thị đất thuộc Quảng Đông chỉ bao gồm Hải Nam và các đảo ngoài khơi Quảng Đông, thậm chí còn không bao gồm cả Đông Sa.



THẾ KỶ XX

5. Đại Thanh Đế Quốc Toàn Đồ (năm 1905). Nguồn từ “Trung Quốc Cổ Địa Đồ Trân Tập”, Nhà xuất bản bản đồ Tây An, năm 1995. Cương giới phía Nam của Trung Quốc trên bản đồ chỉ tới đảo Hải Nam.

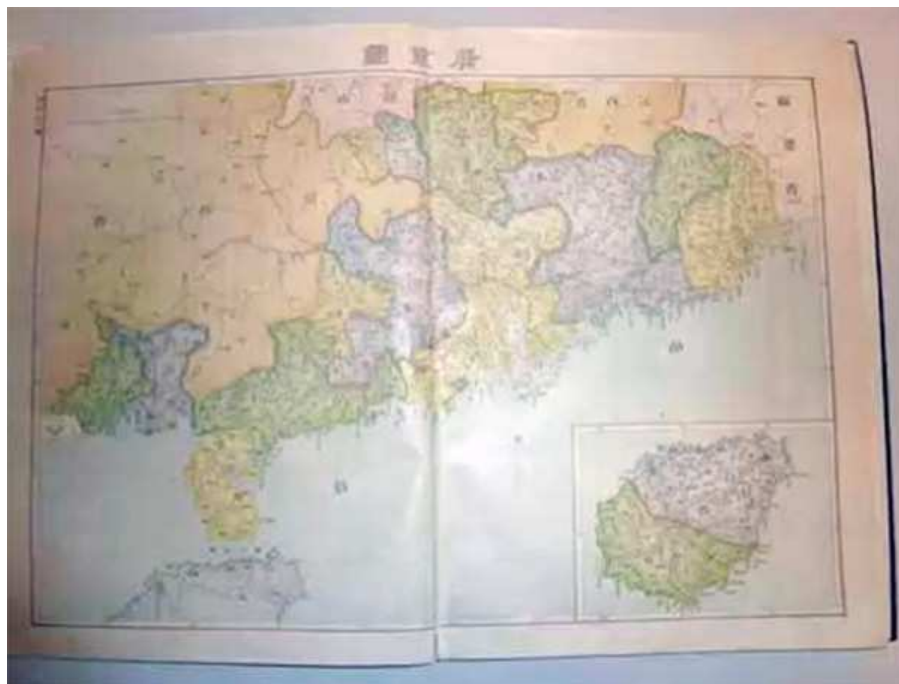


6. Trung Quốc Cận Thế Dư Địa Đồ Thuyết (năm 1908), do La Nhữ Nam biên soạn, đây là một bộ trước tác địa lí học đồ sộ của Trung gồm 8 tập 23 quyển. Trong sách ghi rõ cương giới phía nam của Trung Quốc là cực nam của đảo Hải Nam và đều không thấy các đảo Nam Hải ở Trung Quốc Toàn Đồ hay Quảng Đông Địa Đồ trong bộ sách này.

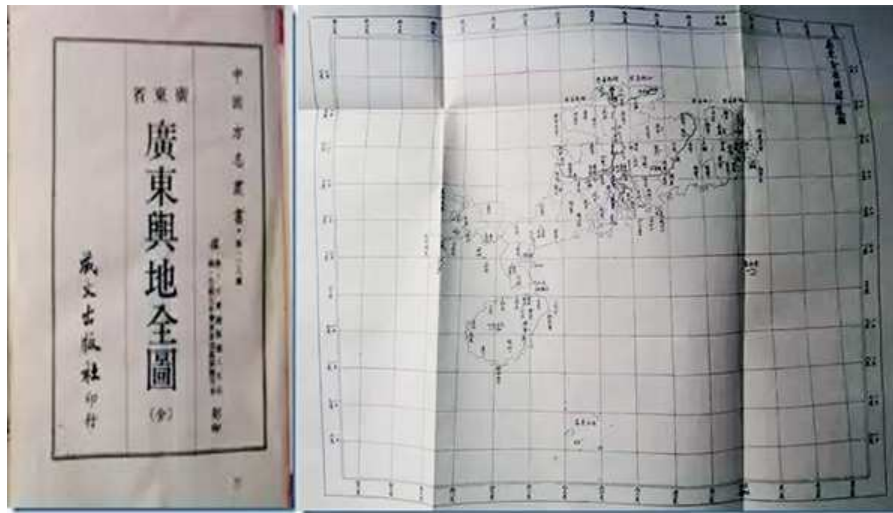


7. Nhị Thập Thế Kỷ Trung Ngoại Đại Địa Đồ (năm 1908). Trong tập bản đồ này, cương giới phía nam của Trung Quốc cũng chỉ tới cực nam đảo Hải Nam. Bản đồ Châu Á trong tập bản đồ này hoàn toàn không có đánh dấu các đảo ở Nam Hải trong khi phần lớn các bản đồ trên thế giới cùng thời kì đều thể hiện các đảo ở Nam Hải. Trái lại, quần đảo Andaman của Ấn Độ và quần đảo Natuna của Nam Hải lại đều có xuất hiện trên các bản đồ này.





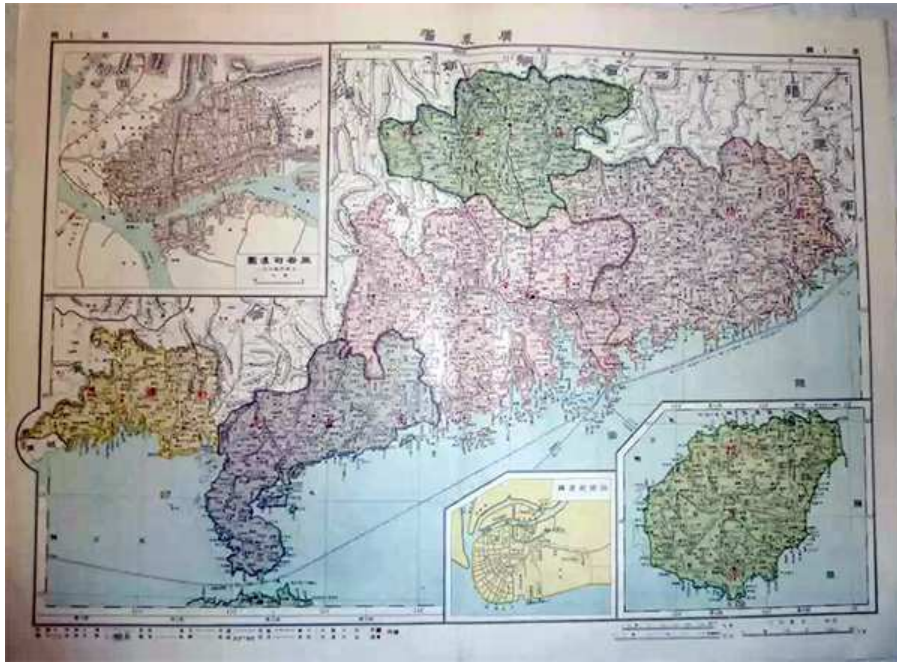
8. Quảng Đông Dư Địa Toàn Đồ (năm 1909). Đây là tấm bản đồ vẽ Tây Sa và Đông Sa vào trong lãnh thổ Trung Quốc sớm nhất trong số những bản đồ vào cuối triều Thanh. Tuy nhiên, việc bản đồ không thể hiện hai quần đảo Trung Sa và Nam Sa, cho thấy hai quần đảo này khi ấy vẫn chưa nằm trong tầm ngắm của đế quốc Đại Thanh.



TỪ NĂM 1911 ĐẾN NĂM 1935: Năm 1911, Trung Hoa Dân Quốc thành lập. Công tác bản đồ của Trung Quốc thời kỳ này cơ bản vẫn vẽ theo hệ bản đồ thời cuối nhà Thanh.

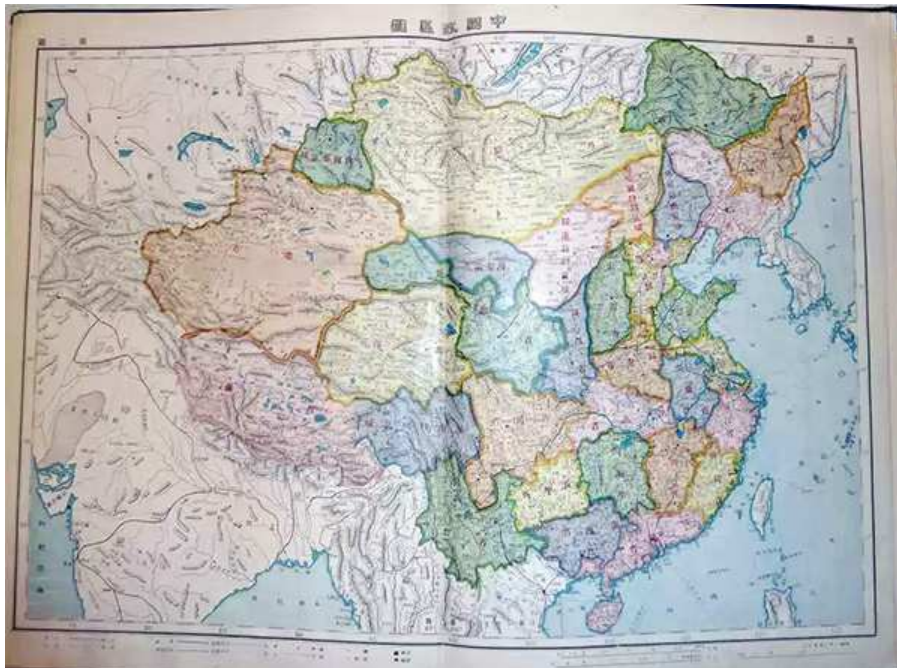
9. Trung Quốc Tân Hưng Đồ (năm 1915). Bản đồ này xuất bản ở Thượng Hải, trong đó cực nam của Trung Quốc vẫn chỉ đến đảo Hải Nam, giống như tình hình năm 1908.





Bản đồ này là tái bản, có thể nghĩ rằng bản đầu tiên của nó cũng như vậy. Qua đó có thể thấy, mặc dù năm 1909 Lý Chuẩn đã tuyên bố chủ quyền khi đến Tây Sa [Hoàng Sa], nhưng khá nhiều người biên vẽ bản đồ, nhất là những người không phải dân Quảng Đông vẫn không hề coi Tây Sa là thuộc lãnh thổ Trung Quốc. Nên cái gọi là “Tây Sa là một bộ phận lãnh thổ của Trung Quốc” chưa hề trở thành nhận thức chung của xã hội.

10. Trung Quốc Tân Hưng Đồ (năm 1917). Trong tấm bản đồ Trung Quốc tân hưng thứ 3 năm 1917, cực nam của Trung Quốc vẫn chỉ là đảo Hải Nam.



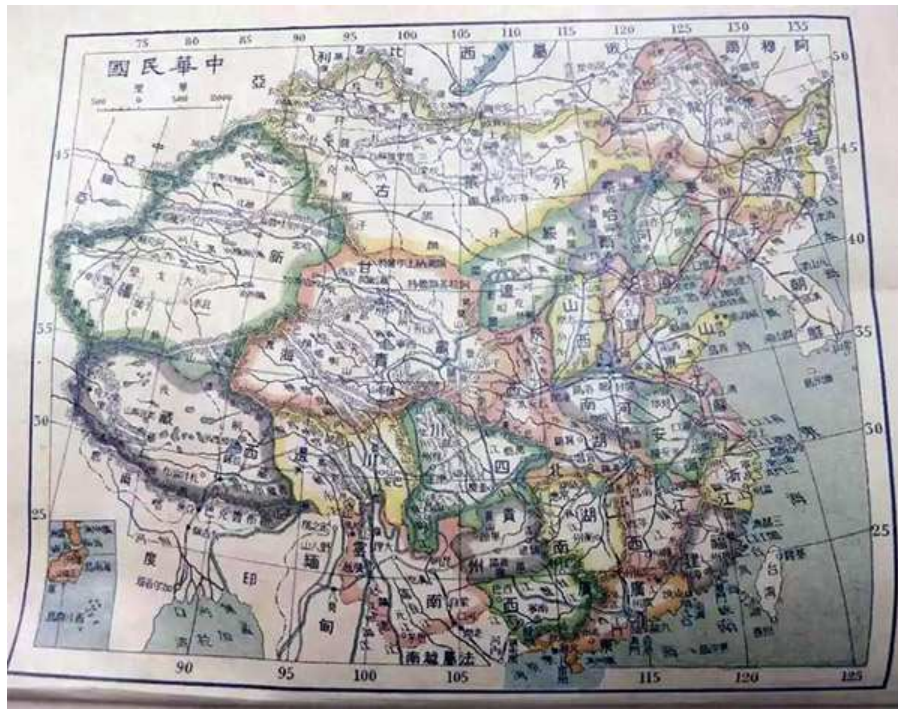
11. Trung Hoa Dân Quốc Tân Khu Vực Đồ (năm 1917). Chỉ có quần đảo Tây Sa bị quy nạp vào cương vực của Trung Quốc.



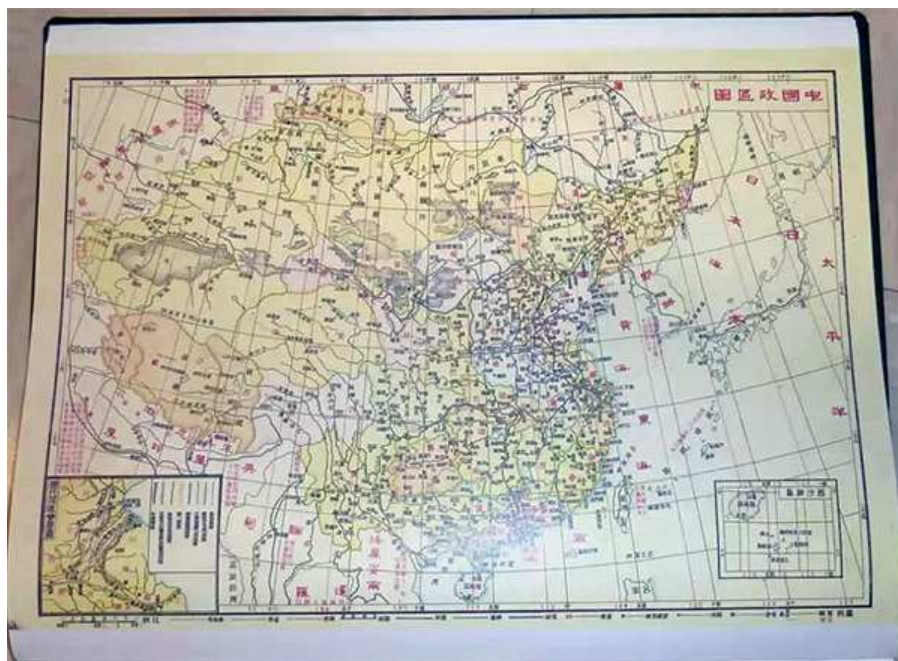
12. Trung Quốc Địa Lý Duyệt Cách Đồ: Là tập bản đồ lịch sử xuất bản năm 1922, trong đó tấm bản đồ Dân quốc cũng chỉ vẽ trong khung vuông phụ các đảo Tây Sa.



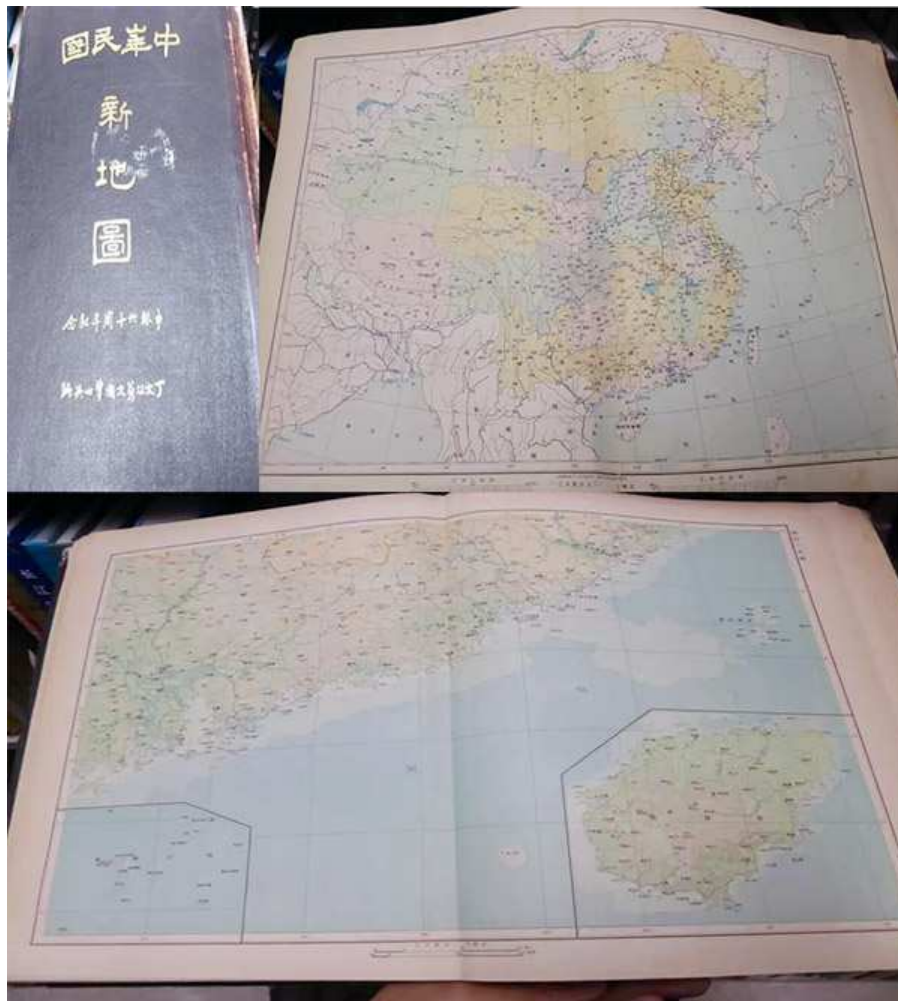
13. Trung Quốc Tân Hình Thế Đồ (năm 1922). Đây là một phần trong cuốn tập hợp bản đồ sách giáo khoa địa lý tham khảo, về độ chính xác thì không được như bản đồ ở phần trên, nhưng lại nói rõ hơn phạm vi bản đồ Trung Quốc trong con mắt của xã hội. Cũng như hai tấm bản đồ nói trên, cực nam của Trung Quốc vẫn chỉ đến “Tây Sa”.



14. Trung Hoa Triết Loại Phân Tỉnh Đồ (năm 1931). Cực nam Trung Quốc vẫn ở Tây Sa.

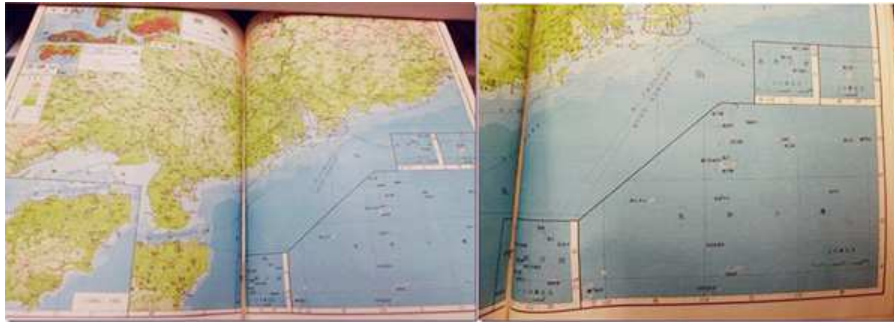
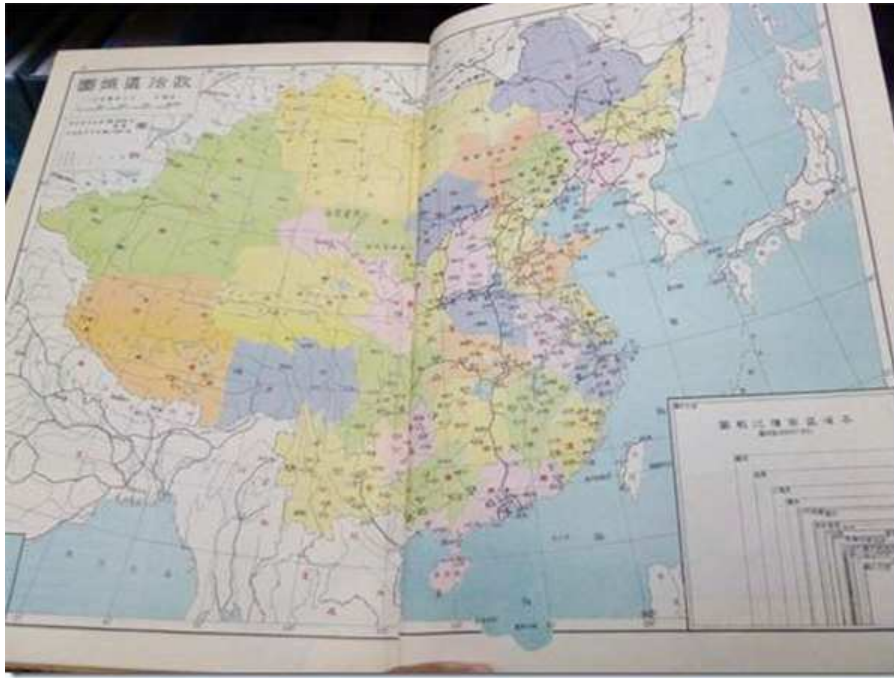


15. Trung Hoa Dân Quốc Tân Địa Đồ (Thân báo, năm 1934). Để kỷ niệm 60 năm ra đời, Thân báo tổ chức đợt biên chọn bản đồ có tính chính thống nhất trong thời kỳ Dân Quốc. Trong tập bản đồ này, bản đồ của Trung Quốc vẫn chỉ bao gồm “Tây Sa” và “Đông Sa”.

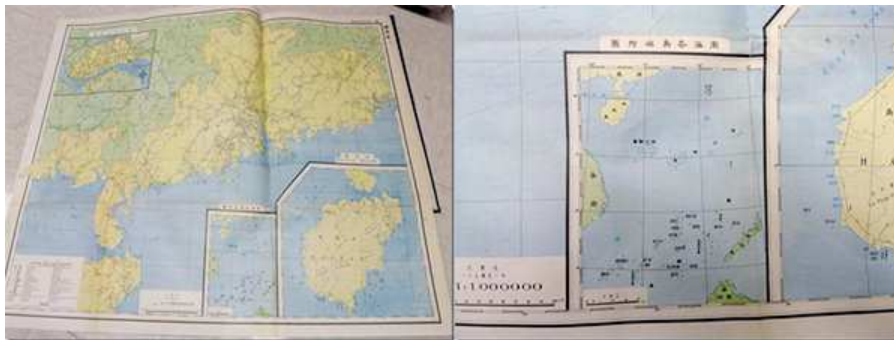


SAU NĂM 1935: Từ năm 1935, chính phủ Dân quốc bắt đầu tiến trình mở cương giới bản đồ đối với Nam Hải.

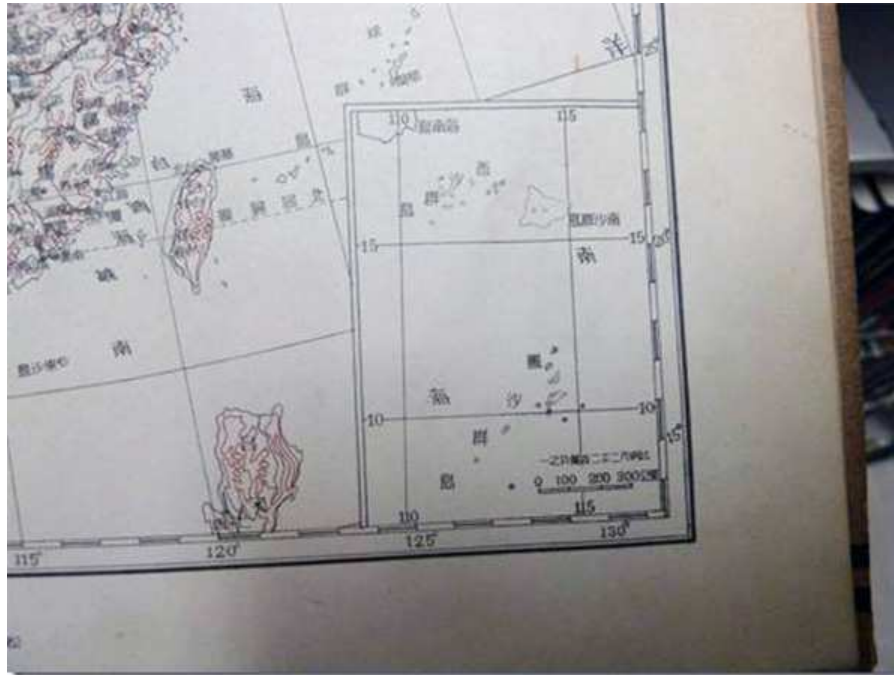
16. Trung Quốc Phân Tỉnh Tân Đồ (Thân báo). Đây là bản tái bản tập bản đồ do Thân báo biên tập đã được nói đến ở trên. Trên bản đồ đã thấy xuất hiện các dòng chữ quần đảo Nam Sa và quần đảo Đoàn Sa. Quần đảo Nam Sa khi ấy là quần đảo Trung Sa hiện giờ, còn quần đảo Đoàn Sa khi ấy là chỉ quần đảo Nam Sa hiện giờ.



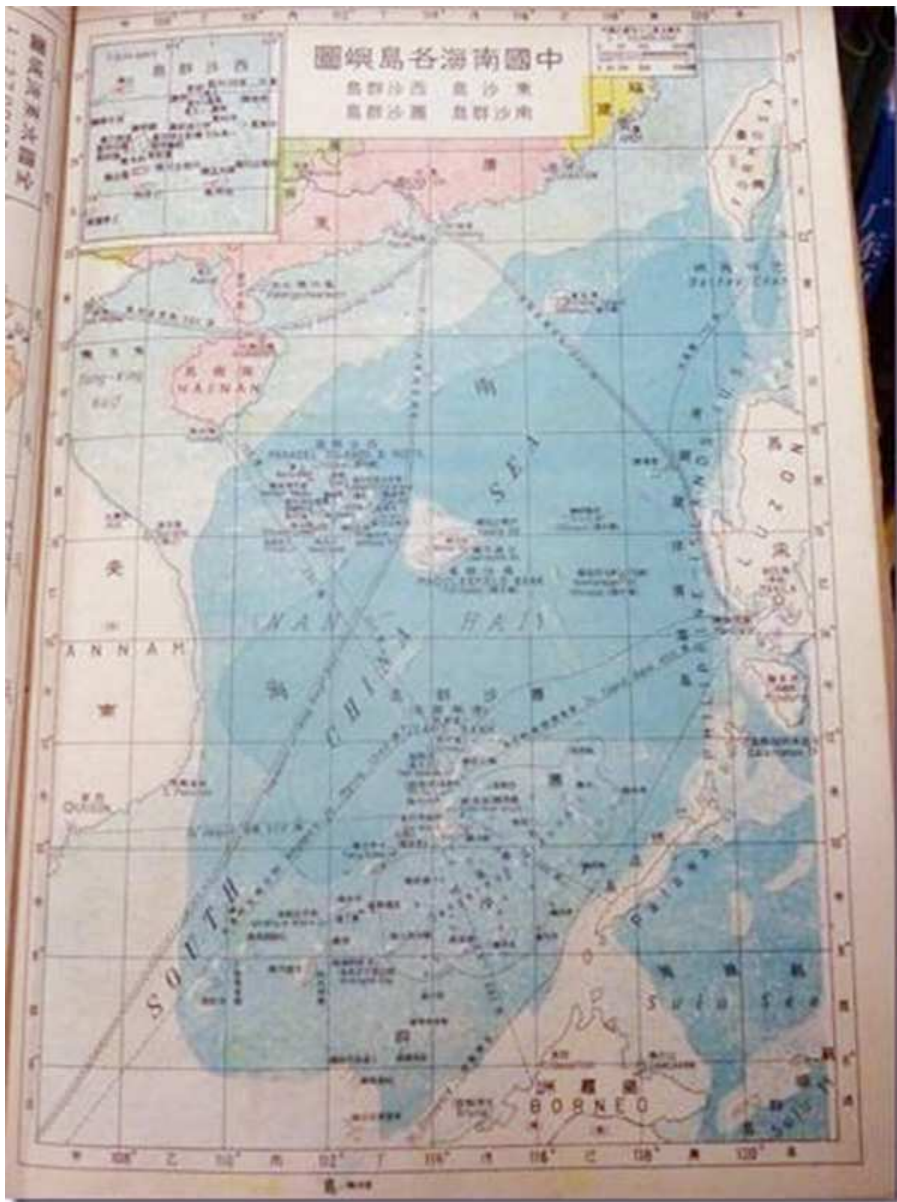
17. Trung Hoa Dân Quốc Bru Chính Dư Đồ (năm 1936). Trên tập bản đồ này xuất hiện nhiều đảo ở Nam Hải hơn.



18. Trung Quốc Phân Tỉnh Đồ (năm 1936). Tập bản đồ này cũng có cả quần đảo Trung Sa (Nam Sa) và quần đảo Nam Sa (Đoàn Sa). Nhưng, đảo Hoàng Nham không nằm trong phạm vi quần đảo Trung Sa (Nam Sa). Có thể thấy, vào năm đầu tiên chính phủ Dân quốc mở rộng cương giới bản đồ, đảo Hoàng Nham có phải là một phần của Trung Quốc hay không, điều này vẫn chưa có sự đồng quan điểm trong đội ngũ những người biên tập bản đồ.



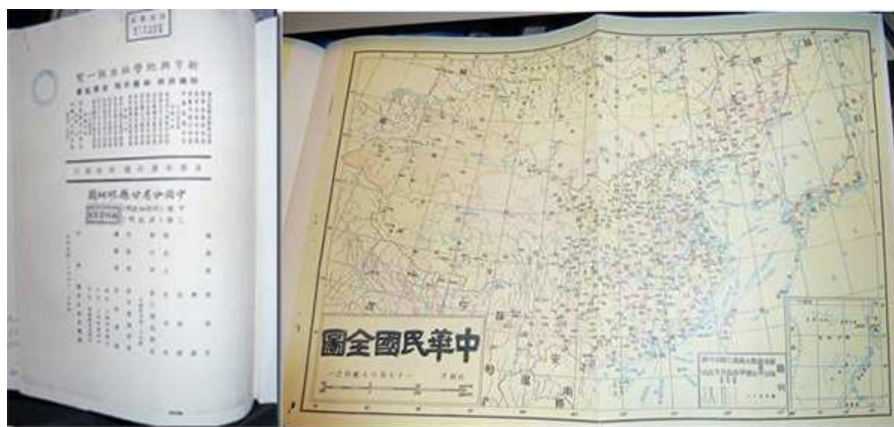
19. Trung Quốc Tỉnh Thị Địa Phương Tân Đồ (năm 1939). Đến năm 1939, việc mở rộng cương giới bản đồ đã được sự thừa nhận phổ biến trong các nhà bản đồ học Trung Quốc, những địa điểm không được đánh dấu tên trên bản đồ năm 1936 đã được đánh dấu tên ở đây. Trong tập bản đồ này có riêng một bản đồ về các quần đảo Nam Hải. Đảo Hoàng Nham được gọi tên là Ska Barlow Reef. Điều thú vị là, trên bản đồ này, đảo Hoàng Nham lại không phải là một phần của quần đảo Trung Sa, cả nó và Trudeau reef (Trudeau Road reef) đều được đánh dấu riêng ra, rồi có thêm dòng chữ “thuộc Trung Quốc”.



20. Hiện Đại Bản Quốc Địa Đồ (năm 1939). Đây là cuốn sách giáo khoa trung học. Phạm vi các đảo Nam Hải cũng tương tự như ở tập bản đồ trên. Đảo Hoàng Nham cũng được gọi là Ska Barlow Reef.



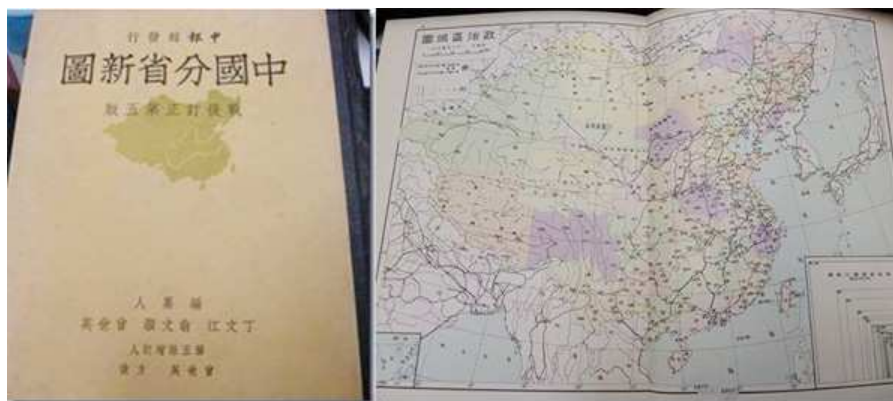
21. Trung Quốc Phân Tỉnh Minh Tế Đồ (năm 1940). Cuốn bản đồ này có đường phân giới liền nhau ở Nam Hải vẽ chiều theo đường bờ biển của các quốc gia Nam Hải khác. Có thể nói, Đường 9 đoạn (Đường 11 đoạn) sau này về cơ bản là tiếp tục dùng những bản đồ này. Xem xét từ cuối đời Thanh tới năm 1940 (tạm chưa nói đến thời kì cổ hơn), Trung Quốc chưa từng thừa hành, mang tính thực chất, bất cứ một lần chủ quyền nào ở quần đảo Nam Sa, ngoài việc mở cương giới trên bản đồ.



22. Trung Quốc Phân Tỉnh Tân Địa Đồ (năm 1947). Trung Quốc đã vẽ Đường 11 đoạn trên bản đồ Nam Hải (về sau nước Cộng hòa sửa lại thành Đường 9 đoạn) đồng thời đặt tên lại cho các đảo ở Nam Hải. Chưa có lý giải về việc vì sao chính phủ Dân quốc lại vẽ đường ranh giới trên bản đồ Nam Hải thành đường đứt khúc. Các tên gọi quần đảo Trung Sa và quần đảo Nam Sa bắt đầu có từ đó. Trên tập bản đồ này, còn có một điểm đáng chú ý là đường hải giới ở mé đông Đài Loan khi ấy không hề bao gồm đảo Điếu Ngư trong đó.



23. Trung Quốc Phân Tỉnh Tân Đồ (Thân báo, 1948). Đây là bản tái bản lần thứ 5 tập Trung Hoa Dân Quốc Tân Địa Đồ của Thân báo. Khác với bản đồ trên, đường phân giới Nam Hải vẫn tiếp tục dùng đường liền từ trước chiến tranh và rất khó xác nhận được đường liền này có trùng với đường đứt đoạn ở bản đồ trên hay không.



KẾT LUẬN: Qua khảo sát 23 tấm bản đồ từ cuối đời Thanh đến năm 1948, có thể rút ra một số kết luận ngắn gọn như sau:

1. Trước năm 1908, tất cả các bản đồ Trung Quốc đều không xếp các đảo Nam Hải (VN: Biển Đông) vào phạm vi lãnh thổ Trung Quốc.
2. Từ năm 1909 đến giữa năm 1917, bản đồ Trung Quốc dần dần đưa Tây Sa (VN: Hoàng Sa) và Đông Sa vào lãnh thổ Trung Quốc.

3. Từ năm 1917 đến năm 1934, tất cả các bản đồ Trung Quốc đều đưa Tây Sa và Đông Sa vào lãnh thổ Trung Quốc. Nhưng Trung Sa và Nam Sa (VN: Trường Sa) thì không phải là một phần của Trung Quốc trên bản đồ.

4. Sau khi mở rộng cương giới bản đồ vào năm 1935, tất cả các bản đồ Trung Quốc đều xếp Trung Sa và Nam Sa là một phần của Trung Quốc, phần lớn các bản đồ cũng xếp đảo Hoàng Nham vào lãnh thổ Trung Quốc. Đường phân giới Nam Hải xuất hiện sớm nhất vào năm 1940 trong một số bản đồ.

5. Sau năm 1947, chính phủ Dân quốc cố định đường phân giới Nam Hải dưới hình thức đường đứt đoạn. Kể từ đó, Nam Hải trên bản đồ Trung Quốc liền có hình dạng tương tự như ngày nay (trừ việc nước Cộng hòa đổi Đường 11 đoạn thành 9 đoạn)/.

(Lưu ý: những kết luận này chỉ là sự miêu tả các bản đồ, đồng thời cũng chỉ giới hạn trong 23 tấm bản đồ này)

Tài liệu tham khảo:

1. Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (Nhà xuất bản chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà nội – 2012).

2. Tập bản đồ: Quá trình quy thuộc Nam Hải (Biển Đông) từ cuối đời nhà Thanh đến thời kỳ (Trung Hoa) Dân Quốc. (01-5-2012).

(Sưu tầm từ weside: www.baoninhthuan.com.vn)